TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÒA BÌNH** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bán án số: 26/2019/HS-ST
Ngày: 29-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH , TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Dung – Thẩm phán sơ cấp, Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh HYhòa Bình

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Nga và ông Phạm Quốc Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: ông Phạm Minh Ngọc – Kiểm sát viên sơ cấp.

Hôm nay, ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh ngày 08/8/1956;

Nơi ĐKHK: xóm Đ, xã T, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

Chỗ ở: xóm Đ, xã T, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

Trình độ học vấn: 12/12 Nghề nghiệp: Hưu trí;

Con ông: Nguyễn Viết V (đã chết) và bà Phùng Thị X (đã chết) ;

Chồng: Bùi Văn L (đã chết) và 02 con.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, được triệu tập có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại:

- ông Hoàng Văn D, sinh năm 1966 *(có mặt)*

Địa chỉ: xóm Đ, xã T, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

- bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1949 *(có mặt)*

Địa chỉ: xóm Đ, xã T, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng C

Địa chỉ: phường P, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Đình Đ – Giám đốc *(có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T nguyên là cán bộ UBND xã T đến tháng 9/2011 nghỉ hưu theo chế độ, tuy nhiên vẫn được làm cán bộ chuyên trách của Ngân hàng C tại xã T. Đến tháng 7/2013, Nguyễn Thị T được tín nhiệm bầu làm tổ phó tổ tiết kiệm vay vốn, tháng 11/2015 được bầu làm tổ trưởng tổ tiết kiệm vay vốn tại xóm Đ, xã T và không làm cán bộ chuyên trách nữa. Nhiệm vụ Nguyễn Thị T được giao là đôn đốc các tổ chức hội trên địa bàn xã T trong việc quản lý vay vốn, trả nợ cho ngân hàng, không được giao nhiệm vụ T tiền trả nợ gốc của các hộ vay.

Ngày 28/02/2013, ông Hoàng Văn D là khách hàng vay tiền của Ngân hàng chính sách đã gặp Nguyễn Thị T để hỏi về việc trả nợ gốc thì T đã nói "Cứ đưa cho chị, đằng nào hàng tháng chị cũng ra ngân hàng sẽ có trách nhiệm nộp lại". Ông D đã tin tưởng và giao cho T số tiền 15.000.000Đ và có viết giấy biên nhận giữa hai bên. Đến ngày 12/4/2017 T tiếp tục nhận của ông D số tiền 5.000.000Đ.

Ngày 05/5/2016 bà Nguyễn Thị L cùng là khách hàng vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội gặp Nguyễn Thị T để hỏi về việc trả nợ gốc thì T đã nói "Cứ đưa cho em, em sẽ có trách nhiệm nộp lại cho ngân hàng" và nhận của bà L 42.000.000Đ, đồng thời viết giấy biên nhận giữa hai bên.

Toàn bộ số tiền Nguyễn Thị T nhận của ông D, bà L, biết các khoản vay chưa đến kỳ hạn trả nợ nên T đã chi tiêu cá nhân hết. Cuối tháng 4/2017 Ngân hàng C thanh tra và phát hiện sự việc trên; ông D và bà L biết sự việc và trình báo Cơ quan điều tra.

Cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 29/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình truy tố Nguyễn Thị T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm (d) khoản 2 Điều 140 BLHS 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại cơ quan điều tra, các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời thừa nhận hành vi giống như bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình truy tố bị cáo. Bị cáo ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình giữ nguyên quyết định truy tố, phân tích lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định Nguyễn Thị T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm (d) khoản 2 Điều 140, điểm (b, p) khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 BLHS 1999; xử phạt Nguyễn Thị T từ 24 đến 30 tháng tù; buộc bị cáo tiếp tục bồi thường trách nhiệm dân sự cho các bị hại; bị cáo phải nộp án phí HSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an TP Hòa Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP Hòa Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của Nguyễn Thị T tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thừa nhận: bản thân không được ủy nhiệm T tiền gốc của khách hàng vay vốn tại Ngân hàng C, tuy nhiên đã nhận tiền trả nợ gốc của ông Hoàng Văn D và bà Nguyễn Thị L để trả hộ vào ngân hàng. Cụ thể, ngày 28/02/2013 nhận số tiền 15.000.000Đ và ngày 12/4/2017 nhận 5.000.000Đ của ông D, ngày 05/5/2016 nhận của bà L 42.000.000Đ. Sau khi nhận tiền của ông D, bà L, bị cáo đã không trả vào ngân hàng mà chi tiêu hết. Tổng số tiền bị cáo đã nhận của ông D, bà L là 62.000.000Đ. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra cũng như phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm (d) khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự 1999. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân TP Hòa Bình đã truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 16/KSĐT ngày 29/01/2019 là có căn cứ.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội: hành vi phạm tội của bị cáo là nguy nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sử hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có năng

lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lợi dụng sự tin tưởng để chiếm đoạt tài sản của người khác là phạm pháp nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý và nhiều lần. Vì vậy, để đảm bảo trật tự pháp luật, giáo dục phòng ngừa chung tình hình tội phạm, việc áp dụng biện pháp, pháp lý hình sự đối với bị cáo là điều cần thiết.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: khi lượng hình xét thấy: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện và cố gắng khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, là người nhiều tuổi, quá trình tham gia công tác có nhiều đóng góp cho địa phương; tại phiên tòa các bị hại đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo để tiếp tục lao động khắc phục hậu quả cho các bị hại; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm (b, p) khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999. Do đó thấy không cần thiết phải cách ly mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù có điều kiện cũng đủ giáo dục cải tạo bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại. Ngày 20/02/2019 bị cáo đã hoàn trả cho ông Hoàng Văn D số tiền 3.000.000Đ, ngày 23/3/2019 đã trả tiếp cho ông số tiền 2.000.000Đ bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho ông D số tiền 15.000.000Đ; bị cáo đã hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 5.000.000Đ, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bà L 37.000.000Đ.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào: điểm (d) khoản 2 Điều 140; điểm (b, p) khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 BLHS 1999;

Tuyên bố: Nguyễn Thị T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản";

Xử phạt: Nguyễn Thị T 24 *(Hai mươi bốn)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao Nguyễn Thị T cho UBND xã T, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách của án treo, nếu Nguyễn Thị T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng Điều 42 BLHS 1999, Điều 584, 585, 586, 589 BLDS 2015

Buộc Nguyễn Thị T bồi thường cho các bị hại: bồi thường cho ông Hoàng Văn D số tiền 15.000.000Đ *(Mười lăm triệu đồng)*, bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền 37.000.000Đ *(Ba mươi bảy triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Áp dụng: Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH buộc bị cáo phải nộp 200.000Đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí HSST và 2.600.000Đ *(Hai triệu sáu trăm nghìn đồng)* án phí DSST.

- Áp dụng: Điều 331; 333 Bộ luật TTHS;

Tuyên: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND TP Hòa Bình;
- Chi cục THADS TP Hòa Bình;
- UBND xã T, TP Hòa Bình;
- Người bị kết án,bị hại, NCQLLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Dung